CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388

VILAS 745

Số: 99-2020/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/04/2020
Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Công ty Bia Massan Brewery
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
4. Ký hiệu mẫu : $44M_1 01/20$
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 30/03/2020
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị		SMEWW2150:2012 SMEWW2160:2012	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH (*)		TCVN6492:2011	6 - 8,5	6,99
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,3
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOD=0,02)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	15,16
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	39,85
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOD=0,003)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	1,5
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	73
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,85
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	5
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOD=0,01)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,52
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOD=0,005)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	KPH (LOD=0,38)
16	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 1	KPH

GIÁM ĐỐC	PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT	BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM
Nguyễn Tấn Thuần	Nguyễn Văn Phong	Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:
- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388

VILAS 746

Số: 100-2020/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/04/2020
Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Điểm Giao dịch cấp nước An Phú
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
4. Ký hiệu mẫu : $45M_101/20$
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 30/03/2020
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị		SMEWW2150:2012 SMEWW2160:2012	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH (*)		TCVN6492:2011	6 - 8,5	6,98
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,33
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOD=0,02)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	13,47
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	35,82
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOD=0,003)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	1,6
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	78
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,85
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	4,8
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOD=0,01)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,52
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOD=0,005)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	KPH (LOD=0,38)
16	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 1	KPH

GIÁM ĐỐC	PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT	BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM
Nguyễn Tấn Thuần	Nguyễn Văn Phong	Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:
- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388

VILAS 746

Số: 101-2020/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/04/2020
Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Khu phố 3 - Thị Trấn Hòa Vinh
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
4. Ký hiệu mẫu : $50M_1 01/20$
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 31/03/2020
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị		SMEWW2150:2012 SMEWW2160:2012	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH (*)		TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,16
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,47
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,04
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	11,79
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	32,29
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOD=0,003)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	2,300
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	63
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,3
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	4,4
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOD=0,01)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,78
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	0,008
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	KPH (LOD=0,38)
16	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 1	KPH

GIÁM ĐỐC	PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT	BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM
Nguyễn Tấn Thuần	Nguyễn Văn Phong	Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:
- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388

VILAS 745

Số: 102-2020/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/04/2020
Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Tuy Hòa
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
4. Ký hiệu mẫu : 46B01/20
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 30/03/2020
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01-1:2018/BYT	Kết quả
1	Mùi, vị		SMEWW2150:2012 SMEWW2160:2012	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH (*)		TCVN6492:2011	6 - 8,5	6,99
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0,18
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	KPH (LOD=0,02)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	14,82
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	43,38
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	KPH (LOD=0,003)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	KPH (LOD=1,44)
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	92
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,85
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	5,6
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOD=0,01)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,38
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOD=0,005)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,71
16	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	< 1	KPH

KT. GIÁM ĐỐC	PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT	BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN		
Nguyễn Tấn Thuần	Nguyễn Văn Phong	Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:
- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử